

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020.

V/v “Ly hôn giữa chị N và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh không tham gia phiên tòa do vụ việc thuộc trường hợp Kiểm sát viên không phải tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974;

Trú tại: Ấp TT, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; “có đơn xin vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Phan Anh T, sinh năm 1975;

Trú tại: Ấp TT, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; “có đơn xin vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 -7 -2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, không đồng chung quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 người tên Phan Thị Thanh Tâm, sinh năm 1994 và Phan Thị Phương Thảo, sinh năm 1996, con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15-7-2020 anh Phan Anh T trình bày:

Anh và chị N chung sống với nhau vào năm 1992, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, không đồng chung quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người tên Phan Thị Thanh Tâm, sinh năm 1994 và Phan Thị Phương Thảo, sinh năm 1996, con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N, anh T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N, anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà

nước có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh T không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chung sống giữa chị N và anh T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị N và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 người tên Phan Thị Thanh Tâm, sinh năm 1994 và Phan Thị Phương Thảo, sinh năm 1996; con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nợ chung anh T và chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và Phan Anh T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007229 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan cấp GCNKH;

Nguyễn Quốc Hùng